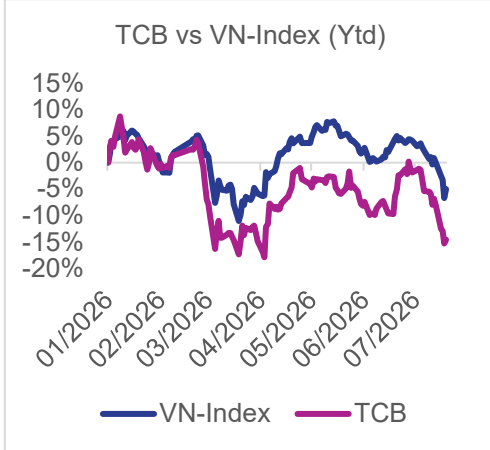


BÁO CÁO PHÂN TÍCH

Ngành: Ngân hàng

BIẾN ĐỘNG GIÁ



Thông tin giao dịch (23/07/2026)

Giá hiện tại (VNĐ/cp)	29.250
Giá cao nhất 52W	40.400
Giá thấp nhất 52W	28.100
Số lượng CP niêm yết	7.086.240.414
Số lượng CP lưu hành	7.086.240.414
Sở hữu nước ngoài	21,54%
KLBQ 52W (cp)	15.670.919
EPS (vnd/cp)	3.828
P/E	7,97
P/B	1,1x
Vốn hóa (tỷ đồng)	207.272

(*) EPS theo BCKQKD 4 quý gần nhất

Senior Equity Research Analyst

Bùi Đức Thảo

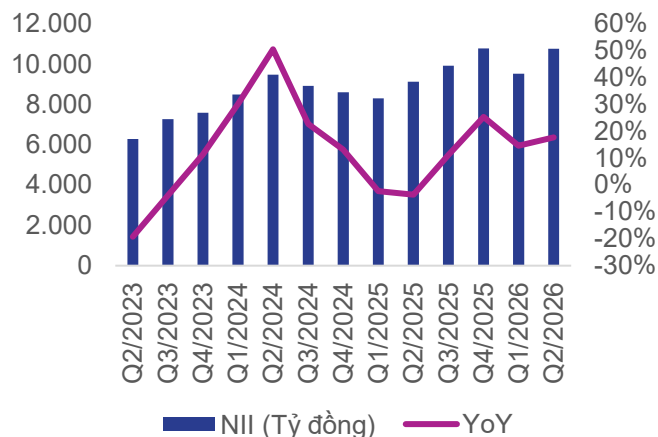
thaobd@vixs.vn

Chúng tôi đánh giá **TÍCH CỰC** với TCB dựa trên (1) KQKD Q2 vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng tốt (2) Chất lượng tài sản cải thiện. TCB là ngân hàng thuộc top đầu của nhóm ngân hàng tư nhân trên thị trường xét về quy mô tài sản (chỉ xếp sau VPB và MBB trong khối NHTM tư nhân). Bên cạnh đó, TCB đang sở hữu hệ sinh thái tài chính đa dạng bao gồm các lĩnh vực từ Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm đến Quản lý Quỹ, trong đó, lợi nhuận của ngân hàng mẹ chiếm tới 89% lợi nhuận của TCB.

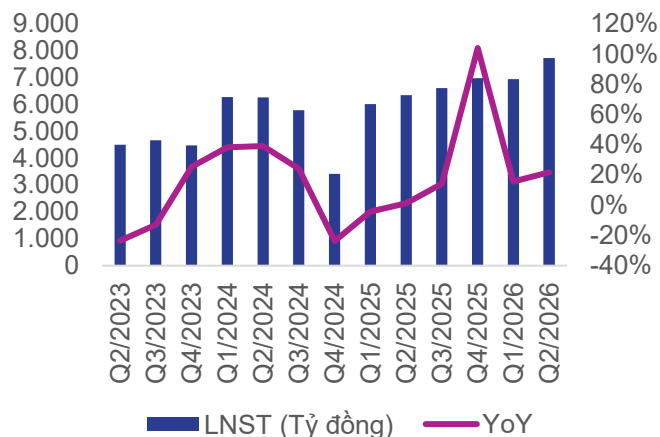
- **Cập nhật KQKD Q2/2026:** NII (thu nhập lãi thuần) và lợi nhuận ròng của TCB tăng trưởng lần lượt tới 17,8% và 21,7% YoY trong quý 2/2026. Cùng với đó, tăng trưởng cho vay khách hàng của TCB đạt tới 10,4% so với đầu năm, trong khi toàn ngành chỉ đạt 7,73% cho thay tốc độ cho vay của TCB vẫn duy trì mức cao hơn so với hệ thống. Đặc biệt hơn trong Q2/2026, lượng tiền gửi của TCB tăng trưởng tới 10,4% QoQ khi mà quý trước âm tới -3,08% QoQ, giúp TCB giảm bớt thanh khoản cho nguồn vốn tín dụng. Tuy nhiên, với việc lãi suất huy động tăng cao để đảm bảo nguồn tiền gửi, NIM của TCB đã giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước.
- **Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện:** Tỷ trọng cho vay lĩnh vực BĐS giảm đáng kể trong cơ cấu danh mục cho vay khách hàng của TCB – giảm từ 34% về còn 25,06% (từ năm 2023 đến nay). Mặc dù tỷ trọng cho vay BĐS suy giảm (%) tuy nhiên dư nợ cho vay (tỷ đồng) vẫn liên tục cải thiện, cho thấy tốc độ cho vay các lĩnh vực khác đang tích cực hơn (khách hàng cá nhân, margin chứng khoán, xây dựng và sản xuất). Điều này giúp TCB phân tán được bớt rủi ro tập trung tại nhóm BĐS trong bối cảnh lãi suất đang dần tăng giai đoạn gần đây. Tỷ lệ nợ xấu - NPL (nhóm 3 – 5/cho vay khách hàng) tiếp tục duy trì tại mức thấp – chỉ tăng 1 điểm cơ bản so với đầu năm, tạo nền tảng giúp TCB giảm bớt chi phí trích lập (cải thiện lợi nhuận sau thuế) mà vẫn duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao trong hệ thống ngân hàng – đạt 125% trong Q2/2026.
- **Lợi nhuận hoạt động dịch vụ liên tục tăng trưởng mạnh mẽ:** Lợi nhuận dịch vụ 6 tháng đầu năm của TCB tăng trưởng tới 73% YoY. Trong đó, lợi nhuận của bảo hiểm đóng góp tới gần 15% hoạt động dịch vụ và tăng trưởng hơn 219 lần khi Techcom Life mới được cấp phép hoạt động vào T6/2025. Cùng với đó, hoạt động mua thu tín dụng (L/C) cũng tăng tới 5 lần trong 6 tháng đầu năm 2026, giúp cho tổng thu nhập dịch vụ của TCB chiếm tới 23,8% tổng thu nhập hoạt động (so với 16,2% cùng kỳ).

Rủi ro: (1) Áp lực thanh khoản khiến NIM tiếp tục co lại (2) Thị trường BĐS chưa thực sự khởi sắc với khối lượng giao dịch chậm lại (3) Đầu tư trái phiếu tăng 27% so với Q1/2026 – trong đó phần lớn là trái phiếu doanh nghiệp

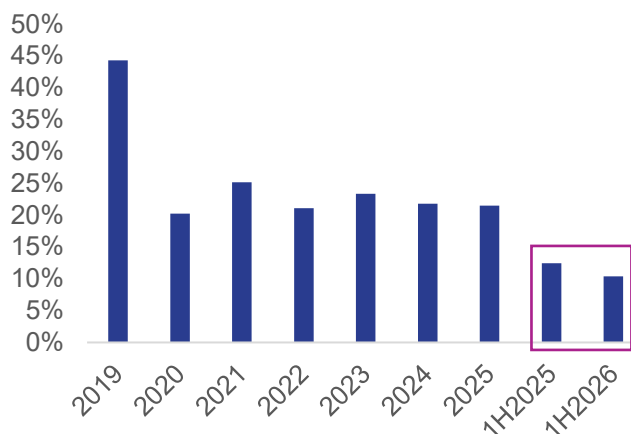
Thu nhập lãi ròng



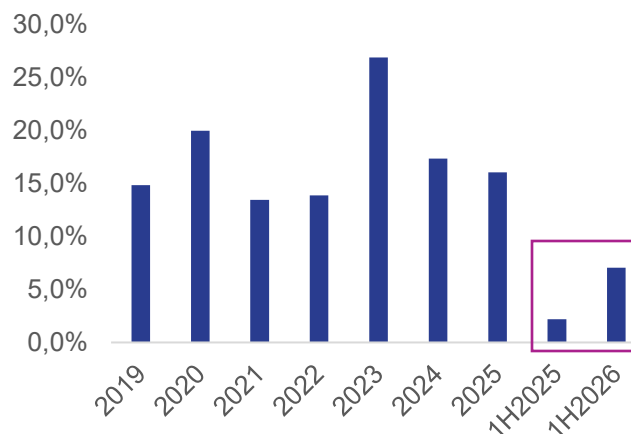
Lợi nhuận sau thuế



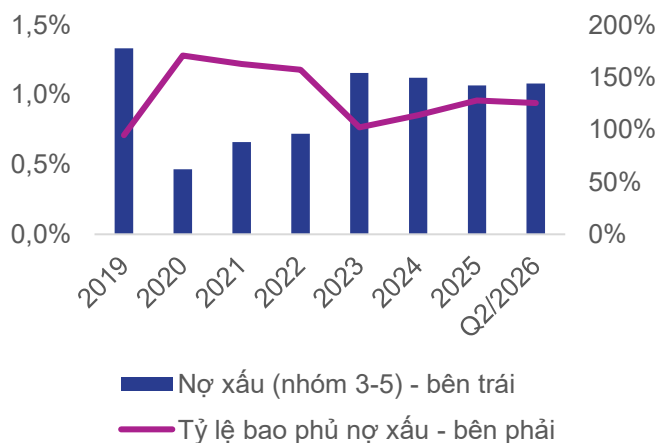
Tăng trưởng tín dụng (%YTD)



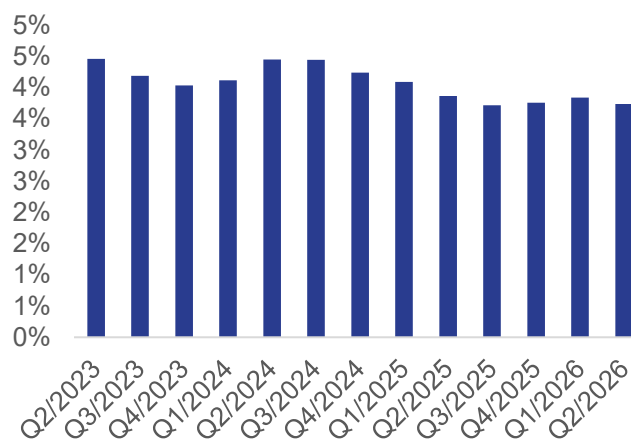
Tăng trưởng tiền gửi (%YTD)



Chất lượng tài sản của TCB



NIM (%)



Nguồn: TCB

Phụ lục: Một số chỉ tiêu tài chính của TCB

Đơn vị: tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tóm tắt BCTC							
Thu nhập lãi thuần	14.258	18.751	26.699	30.290	27.691	35.508	38.155
Tổng thu nhập ngoài lãi	6.810	8.627	10.378	10.237	12.370	11.482	15.236
Tổng thu nhập HĐKD	21.068	27.379	37.076	40.527	40.061	46.990	53.391
Tổng Chi phí HĐKD	7.313	8.967	11.173	13.023	13.252	15.370	16.432
Tổng Lợi nhuận HĐKD (trước trích lập)	13.756	18.411	25.903	27.504	26.809	31.621	36.959
Trích lập dự phòng	917	2.611	2.665	1.936	3.921	4.082	4.421
Lợi nhuận trước thuế	12.838	15.800	23.238	25.568	22.888	27.538	32.538
Lợi nhuận sau thuế	10.226	12.582	18.415	20.436	18.191	21.760	25.954
Cho vay khách hàng	230.802	277.525	347.341	420.524	518.642	631.725	767.617
Tổng Tài sản	383.699	439.603	568.729	699.033	849.482	978.799	1.192.344
Tiền gửi của khách hàng	231.297	277.459	314.753	358.404	454.661	533.392	618.912
Tổng nợ phải trả	321.627	364.988	475.687	585.608	717.866	830.859	1.012.843
Vốn chủ Sở hữu	61.782	74.131	92.195	112.296	130.299	145.419	170.045
Các chỉ số quan tâm							
Tăng trưởng cho vay	44,3%	20,2%	25,2%	21,1%	23,3%	21,8%	21,5%
Hiệu suất Tài sản sinh lãi (IEA yield)	7,8%	7,7%	7,7%	7,9%	8,3%	7,2%	6,7%
Lãi suất từ Nguồn vốn chịu lãi (IBL cost)	3,8%	3,1%	2,2%	2,8%	4,6%	3,3%	3,3%
Lãi suất chênh lệch (IEA yield - IBL cost)	4,0%	4,7%	5,5%	5,0%	3,6%	3,9%	3,4%
Tăng trưởng ngoài lãi	-2,1%	26,7%	20,3%	-1,4%	20,8%	-7,2%	32,7%
Trích lập Dự phòng rủi ro/Lãi trước trích lập	6,7%	14,2%	10,3%	7,0%	14,6%	12,9%	12,0%
Tăng trưởng tiền gửi	14,8%	20,0%	13,4%	13,9%	26,9%	17,3%	16,0%
CIR	34,7%	32,8%	30,1%	32,1%	33,1%	32,7%	30,8%
NIM	4,5%	5,0%	5,8%	5,3%	4,0%	4,2%	3,8%
ROAA	2,9%	3,0%	3,6%	3,2%	2,3%	2,4%	2,3%
ROAE	17,8%	18,1%	21,7%	19,7%	14,8%	15,6%	16,0%
NPL	1,3%	0,5%	0,7%	0,7%	1,2%	1,1%	1,1%
EPS	2.880	3.519	5.146	5.734	5.115	4.066	3.574
BVPS	17.660	21.165	26.282	31.956	37.018	27.470	24.033

Nguồn: TCB

HỆ THỐNG NHẬN ĐỊNH TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

TÍCH CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo tăng, với tốc độ tăng **hơn 15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu cao hơn 15%** giá hiện tại

TRUNG LẬP: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo từ **-15% đến +15%** hoặc có nhiều thông tin không chắc chắn, khó dự báo hoặc **giá mục tiêu được dự báo -15% đến +15% so với giá hiện tại**

TIÊU CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo giảm, với tốc độ giảm **dưới -15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu được dự báo thấp hơn -15% so với giá hiện tại**

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.